

**LỄ CẦU HỒN: TÍNH BẢN ĐỊA HÓA TRONG NGHI LỄ
CÔNG GIÁO TẠI VIỆT NAM**
(Nghiên cứu trường hợp tại giáo xứ Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

Tóm tắt: Bài viết sử dụng quan điểm đặc thù luận lịch sử để giải thích cho tính bản địa hóa của Công giáo ở Việt Nam qua việc thờ cúng tổ tiên. Văn hóa Công giáo Phương Tây không có phong tục thờ cúng tổ tiên như văn hóa Việt Nam, tuy nhiên vẫn có truyền thống thực hiện những nghi lễ Cầu nguyện cho các tín hữu đã qua đời vào ngày 2 tháng 11 hằng năm. Nghi lễ này khi được thực hiện tại Việt Nam không còn đơn thuần chỉ là một truyền thống cầu nguyện cho người đã qua đời của Công giáo mà đã tiếp nhận thêm những tâm thức bản địa về linh hồn, về thế giới bên kia và mối quan hệ giữa người sống với người chết trong phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt. Quá trình bản địa hóa này đã biến một nghi lễ thuần nhất của Công giáo thành một nghi lễ đậm chất văn hóa người Việt. Đây là một trong những ngày lễ quan trọng của tín đồ Công giáo người Việt, điều này không chỉ thể hiện qua số lượng tín đồ tham dự thánh lễ trong dịp lễ này mà còn thấy được qua những suy nghĩ nhận thức của tín đồ đối với việc thờ cúng tổ tiên.

Từ khóa: Lễ cầu hồn, Thờ cúng tổ tiên, đặc thù lịch sử, tính bản địa hóa, nghi lễ Công giáo.

1. Dẫn nhập

Quan điểm đặc thù luận lịch sử cho rằng mỗi một nền văn hóa có con đường phát triển riêng, có tính đặc thù và giá trị của mình. Sự thay đổi văn hóa của tộc người là do quá trình tiếp xúc qua lại giữa các nền văn hóa trong một môi trường địa lý, lịch sử nhất định. Quá trình này là vô cùng phức tạp không theo một quy luật chung nào¹. Chính vì vậy không phải dân tộc nào có trình độ văn minh thấp hơn thì buộc phải từ bỏ văn hóa của mình để tiếp nhận một cách thụ động văn hóa của dân tộc có

* Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

trình độ phát triển văn minh cao hơn. Bài viết dùng quan điểm của đặc thù luận lịch sử để giải thích cho mối quan hệ giữa văn hóa Công giáo Phương Tây với văn hóa người Việt thể hiện qua đời sống tinh thần của cộng đồng tín đồ. Trong quá trình tiếp xúc giữa hai nền văn hóa trên đã tạo ra sự tồn tại cùng lúc hai hệ giá trị chứ không phải hệ giá trị của người Việt bị mất đi hoàn toàn, tín đồ đã tiếp nhận hệ giá trị văn hóa Công giáo Phương Tây nhưng đồng thời họ cũng đã đưa những hệ giá trị văn hóa bản địa của mình hòa hợp vào nền văn hóa mà họ tiếp nhận hay nói cách khác là làm cho Công giáo mang tính bản địa. Bài viết trình bày nghi lễ Cầu nguyện cho các tín hữu đã qua đời của Công giáo trong đời sống tinh thần của tín đồ người Việt để chứng minh cho tính bản địa hóa này. Trong nghi lễ này có thể nhìn thấy sự tồn tại cùng lúc hai hệ giá trị chỉ phối nhận thức, thái độ và hành vi ứng xử của cộng đồng tín đồ làm cho một nghi lễ thuần nhất Công giáo nhưng lại mang thêm những tâm thức bản địa trong quan niệm về linh hồn sau cái chết về thế giới bên kia và mối quan hệ giữa người còn sống và người đã qua đời. Đây là quá trình bản địa hóa của Công giáo thể hiện qua việc thờ cúng tổ tiên của tín đồ người Việt.

Khi truyền bá Công giáo ra ngoài Châu Âu, có lẽ Giáo hội luôn mong muốn xây dựng các quốc gia Công giáo trên khắp hoàn cầu, Công giáo hóa người bản xứ. Không giống như Phật giáo, Công giáo không thể chấp nhận truyền thống “Tam giáo đồng nguyên”, hay cùng lúc tồn tại nhiều niềm tin tôn giáo như của người Việt². Khi người Việt theo Công giáo thì đồng nghĩa với việc họ sẽ tiếp nhận đức tin Công giáo cùng những yếu tố văn hóa gắn liền với Công giáo, đồng thời phải từ bỏ nhiều yếu tố văn hóa truyền thống bản địa, nhất là những yếu tố không phù hợp với đức tin Công giáo. Theo Alexandre de Rhodes trong Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài thì người Việt đã rất nhanh chóng từ bỏ những niềm tin vào quỷ thần để tin vào Thiên Chúa. Tuy nhiên, đối với việc thờ cúng tổ tiên thì không diễn ra như vậy³. Phong tục thờ cúng tổ tiên của các Giáo hội Á Châu là vấn đề gây nên sự bối rối, tranh cãi và chia rẽ của các nhà thần học Công giáo, các dòng truyền giáo, các giáo sỹ thừa sai trong thời gian nhiều thế kỷ. Nhóm thừa sai Dòng Tên thì cho phép tín đồ được duy trì phong tục này sau khi loại bỏ những mê tín dị đoan và xem đó như là những phong tục mang tính xã hội; trong khi đó nhiều nhóm thừa sai khác ở Việt Nam lại cấm hoàn toàn, rõ nét nhất là nhóm thừa sai Paris⁴.

Người Công giáo cũng như người Việt không theo Công giáo tin vào sự bất diệt của linh hồn con người, chết không phải là hết mà là sự tiếp tục của cuộc sống mới ở thế giới bên kia, người còn sống nếu quan tâm thực hiện những việc hữu ích cho người đã chết thì sẽ nhận được sự cầu bầu (tín lý của Công giáo), phù hộ (niềm tin của người Việt) của họ. Tuy nhiên sự khác biệt của văn hóa Công giáo Phương Tây với văn hóa truyền thống của người Việt cùng với những lý do lịch sử đã làm cho những nét tương đồng này trở nên xa lạ với nhau từ đó dẫn đến những ngộ nhận, hiểu lầm kéo dài khoảng cách giữa người Việt không theo Công giáo với người Việt Công giáo.

Ngày lễ Cầu nguyện cho các tín hữu đã qua đời theo truyền thống của Giáo hội Công giáo hoàn vũ vào ngày 2/11 hằng năm là một truyền thống có từ lâu đời của Công giáo Phương Tây, khi vào Việt Nam đã tìm thấy sự tương đồng trong truyền thống “hiếu đễ” của người Việt. Chính vì vậy, nghi lễ này rất dễ dàng tiếp nhận những tâm thức bản địa của người Việt về việc tôn kính, tưởng nhớ người đã qua đời. Ở Việt Nam, ngày lễ này là một trong những hoạt động quan trọng của người Công giáo, được tổ chức hết sức long trọng và mang nhiều đặc điểm của tư duy văn hóa bản địa.

Qua quan sát tham dự và phỏng vấn sâu tại giáo xứ Lộc Hòa để nghiên cứu ngày nghi lễ này, cho thấy một trong những hoạt động thờ cúng tổ tiên của tín đồ cũng như chứng minh cho tính bản địa hóa của Công giáo thể hiện qua việc tưởng nhớ, cầu nguyện cho linh hồn người đã qua đời trong đời sống tinh thần của tín đồ người Việt.

2. Vài nét về cộng đồng Công giáo Lộc Hòa

Giáo xứ Lộc Hòa nằm ở ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Trước năm 1969, giáo dân cũng chưa về vùng này sinh sống và khu vực này cũng không có dân cư sinh sống. Năm 1969, một vị linh mục đưa một số gia đình người lính trong quân đội Việt Nam Cộng hòa ở khu vực thành thị về vùng này lập nghiệp. Họ chỉ sống chung quanh khu vực nhà thờ, bên ngoài được che chắn bởi lô cốt để tránh các làn đạn từ cả hai phía. Giáo dân Lộc Hòa là những người di cư từ năm 1954 nhưng họ không đến Lộc Hòa ngay năm đó mà sống ở nhiều nơi khác ở Miền Nam. Họ chỉ đến đây từ năm 1969, đa số là từ thành thị di chuyển về, sau năm 1975 thì số giáo dân mới bắt đầu về giáo xứ ngày một đông hơn.

Cộng đồng Công giáo Lộc Hòa luôn có xu hướng giữ gìn những giá trị văn hóa của mình một cách bền chặt nhưng đồng thời trong quá trình

cộng cư cùng các cộng đồng khác đã diễn ra sự giao lưu, tiếp nhận những giá trị văn hóa lẫn nhau. Chính vì vậy những cộng đồng Công giáo di cư này mang những nét văn hóa riêng.

Giáo dân từ khi đến Lộc Hòa định cư đã cộng cư cùng với những cộng đồng tôn giáo khác chứ không chiếm ưu thế hoàn toàn về số dân như nhiều cộng đồng giáo xứ có nguồn gốc di cư năm 1954 khác tại Đồng Nai. Hiện nay, giáo dân Lộc Hòa đang chung sống cùng với số lượng lớn người di cư đang làm công nhân tại khu công nghiệp Bàu Xéo với nhiều thành phần văn hóa, tôn giáo khác nhau. Đặc điểm này sẽ có nhiều sự tác động đến đời sống tinh thần của giáo dân.

3. Truyền thống tưởng nhớ linh hồn người đã qua đời của Giáo hội Công giáo

Sau Hiến chế *Ex quo singulari* năm 1742, Giáo hội Rome buộc tín đồ vùng Viễn Đông, trong đó có người Việt không được thờ cúng tổ tiên theo nghi lễ truyền thống vì các nhà thần học cho rằng việc thờ cúng này là những hành vi mang tính tôn giáo, thể hiện niềm tin của tín đồ vào người đã qua đời, ảnh hưởng đến đức tin thờ phụng một Đức Chúa duy nhất của tín lý Công giáo “Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người,... người không được có thần nào khác đối nghịch với ta. Người không được tạc tượng vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ. Người không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ”. (Đnl 5, 6-9)⁵. Tuy nhiên Giáo hội không cấm các tín đồ tưởng nhớ đến tổ tiên cha mẹ đã khuất bởi vì việc này chẳng những là một điều răn mà còn là luật trong Kitô giáo nói chung và nhất là trong Công giáo nói riêng. Truyền thống này bắt nguồn từ Do Thái giáo sau đó được chuyển hóa sang Kitô giáo. Trong nhiều sách của Kinh Thánh có nói đến các điều bắt buộc, lời khuyên về trách nhiệm của người sống đối với người chết.

Trong sách Xuất Hành chương 20 câu 12 và sách Đệ Nhị Luật chương 5 câu 16 của Kinh Cựu Ước buộc con cái phải thờ kính cha mẹ như với Đức Chúa Trời “Người hãy thờ cha kính mẹ như Đức Chúa, Thiên Chúa của người đã truyền cho người để được sống lâu và để được hạnh phúc trên đất Đức Chúa, Thiên Chúa người ban cho người”⁶.

Sách Huấn Ca trong sách Cựu Ước chương 3 từ câu 1 đến câu 16 khuyên con cái phải tôn kính cha mẹ khi còn sống và tưởng nhớ biết ơn khi đã qua đời “Ai thờ cha thì bù đắp lỗi lầm, ai kính mẹ thì tích trữ kho

báu,... ai bỏ rơi cha mình thì khác nào kẻ lộng ngôn, ai chọc giận mẹ mình sẽ bị đức Chúa nguyên rủa”⁷.

Thời Giáo hội sơ khai, trong sách Tân Ước ghi lại việc Thánh Phao Lô (Paul) - vị tông đồ của dân Ngoại (người chưa theo Kitô giáo), là một trong hai trụ cột của Giáo hội Công giáo, trong thư gửi cho tín hữu ở Epheso có khuyên tín đồ hãy thờ kính cha mẹ theo luật buộc của Chúa Trời vì đó là điều răn trọng nhất “Hỡi kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của Chúa vì đó là điều phải đạo. Hãy tôn kính cha mẹ, đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này” (Ep 6, 1-3)⁸.

Luật Công giáo không chỉ buộc tín đồ phải thảo kính cha mẹ khi còn sống mà còn phải tưởng nhớ, biết ơn và cầu nguyện cho các linh hồn của các bậc tiền nhân để họ được sạch tội. Sách Macabe quyển thứ hai trong Cựu Ước chương 12 từ câu 38 đến câu 46 dạy tín đồ phải làm nghĩa cử cầu nguyện và dâng lễ đền tội cho người đã khuất vì linh hồn họ đã lìa khỏi xác phạm không còn có thể làm được gì chỉ còn trông chờ vào nghĩa cử của người còn sống để nhờ đó được Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi mà họ đã phạm khi còn sống. Trong sách kể lại câu chuyện về việc ông Judas quyên được khoảng 2.000 quan tiền và gửi về Jerusalem xin lễ đền tội cho những binh sĩ đã chết. Ông làm việc này vì ông nghĩ đến một phần thưởng tốt đẹp cho những người đã an nghỉ trong tinh thần đạo đức. Ông dâng lễ tế đền tạ cho những người đã chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi⁹.

Qua các lời dạy của Kinh thánh Công giáo, người ta thấy có sự tương đồng trong cách hiểu về hiếu đễ, tưởng nhớ người đã qua đời giữa giáo lý Công giáo qua việc tôn kính cha mẹ, cầu nguyện cho người đã khuất với truyền thống thờ cúng tổ tiên của người Việt. Sự khác biệt chỉ thể hiện qua các tập tục lễ nghi giữa văn hóa Phương Tây và Phương Đông. Tuy nhiên sự khác biệt về văn hóa đó đã không được hiểu và giải quyết một cách phù hợp trước Công đồng Vatican II cho nên đã mang lại nhiều tác hại cho công cuộc truyền giáo của Giáo hội Công giáo cũng như đời sống của giáo dân Phương Đông¹⁰.

Trước những biến chuyển lớn lao về mọi mặt của thế giới “một trăm năm bằng cả mười thế kỷ”, để tồn tại và phát triển, Giáo hội Công giáo đã tiến hành triệu tập Công đồng Vatican II (1963 - 1965) nhằm thực hiện những canh tân đổi mới trong đó có sự thay đổi thái độ nhận thức đối với văn hóa tôn giáo Phương Đông. Hội Thánh đã sửa chữa những sai

lầm trong quá khứ và đưa ra những lời dạy phù hợp với giáo lý, với thời đại và với văn hóa của các tín đồ ở các dân tộc Phương Đông. Chính sách hội nhập với văn hóa tại các vùng Công giáo ngoài Châu Âu là một trong những thay đổi của Giáo hội. Giáo hội không chỉ chấp nhận những nghi lễ Phương Đông trong việc thờ cúng tổ tiên mà còn dạy tín đồ phải có những nghĩa vụ để:

- Một là tôn kính biết ơn và vâng lời cha mẹ trong những điều chính đáng.
- Hai là lo cho cha mẹ khi các ngài còn sống được đầy đủ về phần xác cũng như phần hồn.
- Ba là khi cha mẹ qua đời phải lo việc an táng hương khói, làm các việc lành, cầu nguyện và dâng lễ cho các ngài¹¹.

Ở Việt Nam, theo tinh thần hội nhập với văn hóa bản địa của Công đồng Vatican II, Giáo hội bản xứ đã hướng dẫn và tổ chức những ngày lễ và nghi thức cho việc kính nhớ tổ tiên vì đây là một trong những vấn đề mà không chỉ tín đồ luôn quan tâm, khắc khoải trên hành trình bảo vệ đức tin và gìn giữ bản sắc văn hóa của mình, mà còn đồng thời cũng là vấn đề mà hàng giáo phẩm Việt Nam luôn quan tâm và tìm cách giải quyết vì vấn đề thờ cúng tổ tiên có sự ảnh hưởng lớn đến việc phát triển của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Ngoài ngày lễ Cầu cho các tín hữu đã qua đời vào ngày 2/11 hàng năm theo truyền thống của Công giáo hoàn vũ thì còn có những ngày lễ riêng của Giáo hội Việt Nam dành cho việc thờ cúng - kính nhớ ông bà tổ tiên.

4. Bản địa hóa nghi lễ cầu hồn

Ngày lễ này là đề xuất của Thánh Odilo, Viện trưởng Tu viện Cluny (Pháp) vào giữa thế kỷ XI, ông đã cho các thành viên trong dòng cầu nguyện cho người đã qua đời vào ngày 2/11, sau đó sáng kiến này được đưa vào lịch phụng vụ Rome. Đến Công đồng Tridentino (1545 - 1563) nhấn mạnh lời cầu nguyện của người còn sống sẽ rút ngắn thời gian thanh luyện cho linh hồn người đã qua đời trong luyện ngục. Công đồng Vatican II cũng khẳng định rằng “Hội thánh lữ hành đã hết sức thành kính nhớ đến người đã qua đời và bởi vì dâng hy lễ để đền tội cho những người đã chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi là một ý nghĩ đạo đức và thánh thiện”¹². Chính vì vậy hàng năm vào ngày 2/11 Giáo hội hoàn vũ tổ chức ngày lễ cầu nguyện cho tất cả các linh hồn đã qua đời đang còn phải thanh luyện trong luyện ngục. Ngày lễ 2/11 đối với tín đồ người Việt không chỉ đơn

thuần là một ngày lễ tưởng nhớ cầu nguyện cho linh hồn người đã qua đời như quy định trong lịch phụng vụ của Công giáo mà trở thành một ngày lễ dành riêng cho việc kính nhớ tổ tiên. Ngày lễ đã hấp thu những tâm thức văn hóa bản địa, tinh thần của người Việt từ tên gọi cho đến nội dung ý nghĩa của nghi lễ. Đây là một ngày lễ lớn và quan trọng đối với giáo dân.

Tên gọi chính thức hiện nay mà Giáo hội hoàn vũ gọi ngày lễ 2/11 là Commemoration of all the Faithful Departed, dịch qua tiếng Việt là Lễ Cầu nguyện cho các tín hữu đã qua đời, tuy nhiên Giáo hội Công giáo Việt Nam từ lâu đã dùng từ Lễ Các đẳng linh hồn hoặc giáo dân hay gọi tắt là Lễ Các đẳng hoặc Lễ Cầu hồn. Các đẳng là từ gốc Hán 各等, theo từ điển tiếng Việt thì các là danh từ có nghĩa là chỉ tất cả các sự vật, đẳng là danh từ chỉ thứ bậc về trình độ¹³. Trong từ điển tiếng Trung, 各 có nghĩa là tất cả, 等 có nghĩa là thứ bậc, đẳng cấp¹⁴. Như vậy khi ghép hai từ này lại có nghĩa là tất cả thứ bậc, từ ý nghĩa của từ có thể hiểu các đẳng linh hồn là tất cả các linh hồn với thứ bậc của mình. Đối với cách hiểu của Công giáo thì Lễ Các đẳng linh hồn là lễ cầu nguyện cho tất cả các linh hồn đã qua đời đang còn phải thanh luyện trong luyện ngục¹⁵. Như vậy từ đẳng 等 ở đây đã mất đi ý nghĩa thứ bậc của mình vì đối với Công giáo, mọi linh hồn đứng trước Thiên Chúa đều bình đẳng như nhau, những tước hiệu và địa vị trên trần gian không có ý nghĩa gì đối với linh hồn người chết. Giữa từ ngữ và nội dung có sự khác nhau, cách hiểu thì theo tín lý Công giáo nhưng cách gọi tên thì mang âm hưởng của văn hóa người Việt. Nhà nghiên cứu, Linh mục Huỳnh Trụ cho rằng có đặc điểm trên là do ảnh hưởng của văn hóa bản địa mà cụ thể là ảnh hưởng từ tư tưởng của Phật giáo thể hiện qua từ dùng hàng ngày và ngay cả trong văn chương của các bậc Nho sỹ như Nguyễn Du khi viết Văn tế thập loại chúng sinh cũng đã chia linh hồn con người sau khi chết thành mười loại khác nhau. Tác giả Huỳnh Trụ đã đặt và trả lời cho câu hỏi tại sao một nghi lễ Công giáo lại mang những âm hưởng của văn hóa bản địa “Cách gọi Lễ Các đẳng mang âm hưởng văn hóa bản địa về “cả thầy vong linh” thuộc “thập loại chúng sinh” gồm cả “cô hồn các đẳng” phải chăng các tiền nhân của chúng ta đã hội nhập văn hóa khi tạo ra cụm từ này để phiên dịch?”¹⁶. Nếu nói đây là quá trình chủ động hội nhập với văn hóa bản địa của Công giáo thì có lẽ là khiên cưỡng nhưng ngôn ngữ là một trong những yếu tố quan trọng đầu tiên của quá trình hội nhập dù muốn hay không muốn khi hai nền văn hóa tiếp xúc nhau.

Đối với từ cầu hồn, theo Từ điển tiếng Việt “cầu cho linh hồn người chết được yên, được lên thiên đàng”¹⁷. Theo cách hiểu của Công giáo thì có nghĩa là cầu nguyện cho các linh hồn tuy nhiên từ này còn có thể hiểu theo một ý nghĩa khác đó là “gọi hồn”, “chiêu hồn”, “triệu hồn” người chết về, đây là một tập tục phổ biến trong xã hội người Việt và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Tất nhiên, Giáo hội Công giáo xem việc gọi hồn người chết là mê tín dị đoan, cấm tín hữu thực hiện, giáo dân cũng chỉ hiểu từ cầu hồn có nghĩa là cầu nguyện cho linh hồn người chết.

Như vậy, có thể thấy một sự kết hợp giữa tín lý Công giáo với ngôn từ tiếng Việt mà những ngôn từ này đã được khoác lên bởi bộ áo của văn hóa truyền thống tạo cho những nghi lễ Công giáo trở nên rất gần gũi với cộng đồng tín đồ người Việt. Chúng ta biết rằng khi các giáo sỹ tiến hành phiên dịch qua tiếng Việt để truyền giáo thì chắc chắn phải có sự trợ giúp từ bộ phận người Việt, vì không có người bản xứ thì cho dù có rất giỏi ngôn ngữ cũng sẽ khó mà hiểu và sử dụng từ ngữ để phiên dịch làm sao cho người bản xứ hiểu được giáo lý Công giáo xa lạ đến từ văn hóa Phương Tây. Vì vậy, chính những người Việt đã đưa những cụm từ trên để phiên dịch. Và với não trạng văn hóa của mình như thế nào thì tất nhiên việc tìm những từ để phiên dịch cũng mang những nét văn hóa ấy. Còn đối với các giáo sỹ, nhiệm vụ của họ chính là loại bỏ đi những gì trái với tín lý và kết hợp những sự tương đồng về cách hiểu trong những thuật ngữ phiên dịch bằng tiếng Việt để đảm bảo sự toàn vẹn của tín lý song cũng mang lại sự gần gũi, dễ hiểu, dễ tiếp nhận nơi tín đồ. Linh mục Huỳnh Trụ cũng cho rằng “Lễ Các đẳng hiểu theo tín lý Công giáo thì không đúng cho lắm nhưng đặt trong bối cảnh văn hóa Việt Nam thì có thể sử dụng mà không có gì ngăn trở”¹⁸. Như vậy, ngay từ tên gọi của ngày lễ có thể thấy tâm thức bản địa đã được hấp thu vào trong một nghi thức truyền thống của Công giáo.

Ngày lễ cầu nguyện 2/11 là ngày lễ cầu cho các linh hồn đã qua đời đang còn thanh luyện trong luyện ngục, có liên quan đến niềm tin về thiên đàng, luyện ngục, hỏa ngục và mối quan hệ về sự chuyển cầu qua lại giữa người còn sống và người đã qua đời trong tín lý Công giáo. Trong những niềm tin này qua cách hiểu của tín đồ có thể thấy sự hòa lẫn một cách rất tự nhiên những hình ảnh của tư duy văn hóa bản địa người Việt vào trong tín lý Công giáo Phương Tây.

Quan niệm của người Công giáo và quan niệm truyền thống của người Việt đều cho rằng người ta chết đi không phải là hết, chết đi là bắt đầu

một cuộc sống mới. Theo quan niệm truyền thống của người Việt thì cho rằng con người khi chết đi thì sẽ bắt đầu cuộc sống mới ở thế giới khác, thế giới mà tổ tiên đã qua đời đang sống ở đó. Đối với người Công giáo thì tin rằng khi người chết đi rồi linh hồn sẽ lên thiên đàng hay ở luyện ngục hoặc hỏa ngục để đền những tội lỗi mà khi còn sống đã phạm phải.

Những ai phạm tội trọng mà không thống hối và không đón nhận tình yêu thương xót của Thiên Chúa thì sẽ ở hỏa ngục muôn đời¹⁹. Hỏa ngục (Infernus, Hell) là nơi giam cầm các vong hồn tội lỗi. Hỏa ngục không phải là nơi có lửa vật chất mà là tình trạng con người tự loại trừ mình cách vĩnh viễn khỏi sự hiệp thông với Thiên Chúa và các Thánh²⁰.

Đối với những tội nhẹ cần phải thanh luyện ở luyện ngục để đạt sự thánh thiện cần thiết hầu tiến vào niềm vui thiên đàng²¹. Luyện ngục (Purgatorium, Purgatory) với từ “luyện” có nghĩa là thanh lọc, luyện ngục tức là thanh lọc những điều tội lỗi đã phạm phải. Luyện ngục, luyện tội, luyện hình là các từ thường được dùng để chỉ tình trạng thanh luyện, khác hẳn với tình trạng bị án phạt đời đời. Các từ này thường gây hiểu lầm vì chúng gợi lên hình ảnh ngục tù, nơi đó linh hồn bị giam giữ và phải chịu hình phạt để trả nợ đền bù lại tội lỗi đã phạm. Thực ra luyện ngục không phải là một nơi chốn, cũng không phải là một quá trình trong thời gian mà là một tình trạng thiêng liêng. Đó cũng không phải là một áp đặt từ bên ngoài theo kiểu đòi hỏi của một thứ công lý của tòa án nhưng thuộc bản chất của tội, vì tội làm con người xa cách Thiên Chúa và tha nhân²².

Thiên đàng, luyện ngục và hỏa ngục là ba nơi mà linh hồn sau khi rời xác phàm sẽ đến tùy theo sự trong sạch và tội lỗi mà họ đã phạm khi còn sống. Theo tín lý Công giáo, ba nơi đến trên không phải chỉ một nơi chốn cụ thể mà là chỉ tình trạng con người được hay mất Chúa muôn đời²³. Tuy nhiên, đối với tín đồ Công giáo người Việt khi được hỏi thì cho rằng đó là những nơi chốn cụ thể, có thường có phạt rõ ràng. Thiên đàng sẽ là nơi con người được sống sung sướng hạnh phúc, luyện ngục là nơi mà người ta phải chịu những hình phạt để đền tội nhưng nhẹ hơn hỏa ngục, ở hỏa ngục sẽ bị giam giữ suốt đời với những hình phạt đau đớn nhất.

Ngoại trừ những tu sỹ, tất cả các tín đồ mà chúng tôi thực hiện phỏng vấn sâu khi trả lời câu hỏi về những nơi chốn trên đều không nói tới tình trạng được Chúa hay mất Chúa là sự thưởng phạt cho các linh hồn sau cái chết. Điều này không phải tín đồ phủ nhận hoặc mâu thuẫn với tín lý nhưng chỉ có điều trong tâm thức của họ suy nghĩ đầu tiên về các niềm

tin chính là những nơi chốn, hình ảnh cụ thể về sự thưởng phạt của Thiên Chúa cho những việc làm của con người ở trần thế này. Những suy nghĩ của giáo dân có thể thấy là do ảnh hưởng của tâm thức văn hóa bản địa với tư tưởng “hảo tâm, hảo báo” hay “ác giả, ác báo” được cụ thể hóa bằng những hình ảnh về sự trừng phạt trong địa ngục của Phật giáo. Tín đồ còn thường dùng những hình ảnh giống như luật pháp, nhà tù trên trần gian để hình dung những hình phạt nơi hỏa ngục theo các mức độ phạm tội nặng nhẹ khác nhau.

Trong nghiên cứu của mình, Linh mục Phan Tấn Thành cho rằng suy tư về hỏa ngục hay thiên đàng của Kitô giáo cần phải được soi sáng trong đức tin: mất Chúa hay được Chúa. Để hiểu được điều này phải gột rửa não trạng về hỏa ngục như một nhà tù được cất lên để giam giữ bọn gian ác, chúng ta cần phải hiểu bản chất của hỏa ngục là tình trạng “mất Chúa, xa vắng Chúa”²⁴. Giáo lý Công giáo khi nói đến hình phạt ở trong hỏa ngục “Hình phạt chủ yếu của hỏa ngục cốt tại việc muôn đời bị tách biệt khỏi Thiên Chúa, Đấng mà chỉ nơi ngài con người mới có thể có sự sống và sự vinh phúc, là những mục đích con người được tạo dựng và là những điều con người hằng khát vọng”²⁵. Linh mục Phan Tấn Thành với suy tư thần học của mình cũng cho rằng sự thanh luyện nơi luyện ngục kèm theo một thứ đau đớn nào đó nhưng thiết tưởng không hẳn đau đớn về giác quan. Linh mục dẫn lời Thánh Tôma (Thomas) cho rằng nguyên sự nôn nao muôn về thiên đàng cũng đã đủ tạo nên cực hình rồi. Nếu các tội nhân hỏa ngục đau đớn vì phải mãi mãi lìa xa Thiên Chúa, mất Chúa, thì các linh hồn đang bị thanh luyện phải trải qua một thứ cực hình khác: việc họ mong mỏi nao nức được về với Chúa là nguồn mạch của tình yêu đích thực, đã đủ “thiêu đốt tâm can” rồi. Họ đau đớn vì tình yêu, vì trước kia chưa đến Chúa no đủ. Việc xa cách Chúa tạm thời sẽ giúp họ trân quý tình yêu hơn, trở nên xứng đáng hơn để có thể yêu Chúa đến vô hạn²⁶.

Tuy nhiên cũng theo Linh mục Phan Tấn Thành thì tín hữu thường bàn về hình phạt cảm quan (poena sensus) đó là bị lửa thiêu đốt mà trong kinh thánh hay nhắc đến²⁷. Trên thực tế tín đồ người Việt hiểu luyện ngục, hỏa ngục là nơi các linh hồn chịu hình phạt bị lửa thiêu đốt và đi cùng với nó là sự đau đớn. “Khi bàn đến luyện ngục người ta chỉ chú ý đến “lửa luyện tội” để nói lên sự đau đớn nhức nhối trong giai đoạn này. Thậm chí người ta dễ dựa theo óc tưởng tượng để chế tạo các hình phạt tương ứng với các tội trước đây: ai mê ăn uống bấy giờ sẽ khô ráo cổ

họng, ai quen phạm tội về miệng lưỡi sẽ chịu đốt lưỡi. Hình ảnh này xem ra giống như địa ngục Phật giáo”²⁸.

“Trong hỏa ngục coi như đủ mọi hình phạt của Thiên Chúa, ở trong hỏa ngục trước hết là có quỷ, quỷ có sừng, có đuôi, nó rất dữ tợn, nó cầm đầu những người trong hỏa ngục, nó có quyền xích mình lại, xích tay xích chân mình lại, lửa nóng hơn lửa trần gian, lửa dưới bếp của mình mình đâu dám cho tay vào hơn mà cái lửa ở trong hỏa ngục còn nóng hơn cái lửa ở bếp nhà mình thì sao mình chịu nổi. Vừa bị xiềng xích, vừa bị lửa thiêu đốt, mình bị hình phạt đó đời đời, kiếp kiếp, không bao giờ được tha hết”.

(Trích phỏng vấn nữ giới, 63 tuổi, làm vườn, tháng 11/2015)

“Hỏa ngục là nơi có cóc cóc này kia hay là ma quỷ, nó có đủ mọi hành hạ. Ở hỏa ngục không thể chịu được, những người đã vào hỏa ngục rồi thì không có còn ai mà xin hay ân xá gì được.”

(Trích phỏng vấn nam giới, 65 tuổi, chăn nuôi, tháng 11/2015)

Chính vì chịu ảnh hưởng của những tâm thức văn hóa bản địa cho nên tín đồ người Việt thường rất ít chú ý về những suy tư thần học trong hình thức thưởng phạt về mặt tinh thần là sự được hay mất tình yêu với Thiên Chúa mà chủ yếu quan tâm về những thưởng phạt về mặt thân xác bằng những hình ảnh cụ thể.

Quan niệm người Việt cho rằng khi người chết đi rồi bắt đầu cuộc sống mới ở thế giới bên kia, họ cũng có những nhu cầu như người còn sống, vì vậy, người sống sẽ dâng cúng thức ăn và những đồ đạc cần thiết cho người chết. Theo tín lý Công giáo thì đối với người chết điều quan trọng nhất chính là lời cầu nguyện cho họ, bởi vì người chết rồi không có khả năng cầu xin cho chính mình mà chỉ thông qua lời cầu nguyện của người còn sống để họ hy vọng được chuộc xong tội lỗi đã mắc phải khi còn ở trần gian để sớm được về với nước Chúa, đây cũng là cách duy nhất mà người còn sống có thể làm được cho người thân đã mất. Người Việt Công giáo luôn tin tưởng hy vọng vào lời cầu nguyện của mình cho người thân đã qua đời, mong muốn người thân của mình sau khi qua đời sẽ được yên nghỉ, không còn vướng mắc gì nữa và nhanh chóng về thiên đàng hưởng Thánh nhan Chúa.

Đến ngày lễ này là dịp để giáo dân trong giáo xứ Lộc Hòa xin lễ cầu nguyện cho các linh hồn, trước đó họ tắt bật chuẩn bị những công việc

gọi theo thuật ngữ Công giáo là thu dọn về tâm hồn. Mỗi người chuẩn bị cho tâm hồn mình được sạch tội, hướng lòng về với Chúa một cách sốt sắng nhất để dâng những lời cầu nguyện thành tâm nhất cho linh hồn ông bà tổ tiên, các linh hồn đã qua đời. Cụ thể, mỗi giáo dân sẽ xưng tội, rước lễ tại nhà thờ, hy sinh hãm mình, làm những công việc bác ái, đặc biệt là xin lễ cầu nguyện cho những người đã qua đời.

Một ngày lễ cầu nguyện chung cho tất cả các linh hồn còn đang thanh luyện nơi luyện ngục theo niềm tin Công giáo nhưng khi nghi lễ diễn ra qua màn lọc của não trạng văn hóa bản địa người Việt thì nghi lễ này mang thêm những suy tư về tâm thức thờ cúng tổ tiên. Tín đồ ngoài việc xin lễ cầu nguyện cho tất cả các linh hồn, còn đặc biệt xin lễ cầu nguyện cho linh hồn ông bà tổ tiên. Ở đây có một sự cụ thể hóa về lời cầu nguyện chứ không chỉ cầu chung cho tất cả các linh hồn. Trong dịp này giáo dân sẽ xin lễ cầu nguyện cho linh hồn người chết ở nơi các linh mục. Ở Lộc Hòa, giáo dân thường bỏ tiền xin lễ vào một phong bì, bên ngoài ghi tên thánh của các linh hồn mà họ xin lễ cầu nguyện. Họ xin cho rất nhiều linh hồn cụ thể, linh hồn A, B,... (là linh hồn của ông, bà, cha, mẹ, người thân), linh hồn Tiên Nhân (giáo dân tập hợp những người thân mà mất đã quá lâu), linh hồn Mồ Côi, linh hồn thai nhi và tất cả các linh hồn. Với tín đồ người Việt hầu như luôn tin rằng Chúa ở khắp mọi nơi, thông suốt mọi sự nhưng dường như trong suy nghĩ của tín đồ thì việc xin lễ cầu nguyện nêu tên thánh của các linh hồn thật cụ thể sẽ đảm bảo chắc chắn rằng Thiên Chúa sẽ biết được người sống đang cầu nguyện cho ai và ơn ích từ lời cầu nguyện sẽ được ban cho người có tên thánh đó. Điều đó thể hiện không chỉ mối quan hệ giữa người cầu nguyện với người đã mất mà còn thể hiện sự quan tâm nhất là với các bậc tổ tiên người thân của mình, hơn nữa còn có nghĩa là lời cầu nguyện của họ với Thiên Chúa sẽ thêm ơn ích cho linh hồn được nêu tên thánh cụ thể. Điều này thể hiện qua việc giáo dân Lộc Hòa xin lễ rất cụ thể cho nhiều linh hồn chứ không xin một lễ cầu nguyện chung cho tất cả các linh hồn mặc dù ý nghĩa ngày lễ 2/11 là ngày lễ cầu cho tất cả các linh hồn.

Ở Lộc Hòa, giáo dân ngoài việc xin lễ cầu nguyện tại nhà thờ còn thường xuyên xin lễ tại nhà dòng (dòng tu), trong những dòng tu nam có linh mục vẫn tổ chức thánh lễ hằng ngày tại nhà nguyện. Nhiều giáo dân thích xin lễ cho người thân nơi các linh mục trong dòng tu thay vì ngoài nhà thờ. Trong ngày 30/10/2015, chúng tôi thực hiện điền dã quan sát tham dự tại nghĩa trang giáo xứ Lộc Hòa về việc dọn dẹp mộ phần chuẩn bị cho

ngày lễ 2/11. Chúng tôi thấy một nữ giáo dân khoảng 60 tuổi đang xin lễ cầu nguyện với một linh mục dòng (vì linh mục này cũng đang dọn dẹp phần mộ người thân tại nghĩa trang). Nữ tín đồ đưa tiền cho linh mục và nói “con xin lễ cho nhà con (chồng của bà) là linh hồn (...), linh hồn tiên nhân, mồ côi và các linh hồn” (trích nhật ký phỏng vấn tháng 10/2015) bà nhắc đi nhắc lại nhiều lần về tên thánh của người chồng vì sợ linh mục quên. Sau khi hai người làm những công việc riêng của mình thì tôi có đến hỏi tại sao bà không xin lễ linh mục làm lễ ở nhà thờ mà lại xin trong dòng, bà nói “ở ngoài nhà thờ mỗi lần lễ cầu nguyện cho nhiều linh hồn quá, ở trong dòng thì đến ngày lễ cầu nguyện cả gia đình cùng đến tham dự giống như lễ dành riêng cho nhà mình” (trích nhật ký phỏng vấn tháng 10/2015). Lễ ở trong dòng tu thường không mở rộng cho giáo dân tham dự, chủ yếu tổ chức cho các nam tu sĩ đang học tập tại dòng mà thôi. Ở Lộc Hòa, giáo dân vào xin lễ cầu nguyện thì đến ngày mà buổi lễ diễn ra người thân sẽ đến tham dự thánh lễ cùng với linh mục và các tu sĩ. Một người sẽ đại diện đến xin lễ, sau đó cả đại gia đình sẽ cùng đến tham dự thánh lễ cầu nguyện cho người qua đời, tín đồ tin rằng càng nhiều người thân cầu nguyện thì linh hồn người đã mất càng được thêm nhiều ơn trước Thiên Chúa, để Người tha thứ tội lỗi và sớm được về thiên đàng.

Qua việc xin lễ cầu nguyện cũng cho thấy những suy nghĩ rất đời thường của tín đồ, những suy nghĩ chịu ảnh hưởng của những giá trị văn hóa bản địa đã thấm nhuần vào trong một nghi lễ Công giáo. Việc xin lễ cầu nguyện là một việc tốt đẹp, Thiên Chúa biết hết mọi việc, tín đồ người Việt tất nhiên là hiểu rõ tín lý này nhưng dù chỉ là về mặt tâm linh thì họ vẫn cứ thích mọi việc từ tên thánh của linh hồn người đã qua đời cho đến thánh lễ dành riêng, các cá nhân tham dự thánh lễ thật rõ ràng để không có thể lẫn lộn với người khác, để toàn tâm toàn ý dâng lời cầu nguyện. Bởi vì đó là việc không chỉ Thiên Chúa biết mà còn là sự chứng giám của linh hồn người chết cho tấm lòng của con cháu còn ở trần gian này, điều đó cũng thể hiện mối dây liên kết không đứt giữa con cháu với tổ tiên rất sâu đậm trong văn hóa người Việt. Tất nhiên, mọi sự so sánh đều khập khiễng nhưng qua sự liên hệ so sánh cũng phần nào cho thấy sự thâm nhập thấm thấu lẫn nhau về các hệ giá trị trong quá trình tiếp xúc của hai nền văn hóa trong đời sống tinh thần của tín đồ Công giáo người Việt.

Giáo dân thường xuyên xin lễ cho người quá cố cho thấy điều này. Không chỉ đợi đến ngày mất hay ngày lễ quy định như ngày 2/11 mà giáo dân xin lễ cho linh hồn người thân bất cứ lúc nào, lúc có tiền, có niềm

vui, nỗi buồn, thuận lợi, khó khăn hay chỉ đơn thuần là chợt nhớ đến người thân, trong khi ngủ mơ thấy họ thì đi xin lễ. Việc xin lễ không chỉ giúp ích cho người chết mà ngược lại người sống cũng sẽ nhận được sự cầu bầu từ người chết. Truyền thống thờ cúng tổ tiên của người Việt cũng trong ý nghĩa không chỉ tưởng nhớ biết ơn người mất mà còn là để người sống cầu xin sự phù hộ của người chết cho chính mình. Có lẽ vì sự gặp gỡ giữa hai niềm tin có sự tương đồng này mà càng củng cố niềm tin của tín đồ người Việt vào việc xin lễ cầu nguyện cho người chết. Việc xin lễ rất thường xuyên cho các linh hồn ngoài tình cảm, nghĩa vụ, sự liên kết không bao giờ mất đi giữa người sống với người chết mà còn là trong ý nghĩa về mối quan hệ cầu nguyện có qua có lại này.

Vào ngày lễ mừng 2/11 là dịp giáo dân thường xin lễ cầu nguyện cho linh hồn Mồ Côi. Cầu nguyện cho linh hồn Mồ Côi là một nét văn hóa chỉ có ở Công giáo Việt Nam. Công giáo Châu Âu có cầu nguyện cho các linh hồn đang còn thanh luyện trong luyện ngục nhưng không khu biệt về linh hồn Mồ Côi như người Việt. Linh hồn Mồ Côi hiểu theo nghĩa đời thường là không có người thân thích, không có ai đồng hành để được quan tâm nâng đỡ đời sống đức tin²⁹.

Trong Công giáo không có linh hồn nào gọi là Mồ Côi vì mọi linh hồn đều được Thiên Chúa tạo dựng “người ta sẽ gọi người bằng tên mới chính là tên miệng Đức Chúa đặt cho” (Is 62,2)³⁰. Tên gọi Mồ Côi chỉ có trong văn hóa người Việt, qua cách hiểu về mặt chữ nghĩa của tín đồ thì chỉ sự đơn độc của người chết trên hành trình về “quê trời” nhưng khi đi vào tìm hiểu sâu hơn thì rõ ràng là các linh hồn Mồ Côi này có sự xuất phát từ tâm thức về “cô hồn” trong văn hóa bản địa. Cô hồn theo Từ điển tiếng Việt “hồn người chết không được ai thờ cúng”³¹.

Trong nghĩa trang giáo xứ Lộc Hòa, những ngôi mộ đất, không có tên tuổi, không có người thân thừa nhận, linh mục xứ cho quy tập họ lại thành khu vực riêng, xây mộ lập bia gọi chung là những ngôi mộ mồ côi để tiện chăm sóc và cầu nguyện cho họ. Vào những dịp lễ ngoài nghĩa trang như ngày lễ 2/11 này, khi giáo dân xin lễ cầu nguyện cho người thân của mình, họ thường xin thêm lễ cầu nguyện cho các linh hồn Mồ Côi, hoặc trong các buổi đọc kinh gia đình họ cũng có đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn Mồ Côi. Khi dọn dẹp phần mộ người thân, giáo dân cũng dọn dẹp luôn những ngôi mộ mồ côi này. Điều này thể hiện truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt, đó là tính cộng đồng thể hiện sự quan tâm đến những người có hoàn cảnh bất hạnh hơn. Đối với người

Việt Công giáo thì cầu nguyện cho những linh hồn không phải là người thân của mình là thể hiện tinh thần bác ái, thể hiện đạo đức Công giáo qua điều răn của Thiên Chúa là biết yêu thương người khác như chính bản thân mình. Hơn nữa, cầu nguyện cho họ thì cũng sẽ nhận được lời cầu nguyện ngược lại của họ cho chúng ta.

Ngày mừng 2/11, linh mục xứ sẽ dâng thánh lễ đồng tế ngoài nghĩa trang để cầu nguyện cho các linh hồn. Thánh lễ đồng tế là thánh lễ mang ý nghĩa rất quan trọng của Công giáo Việt Nam, có sự tham dự của nhiều linh mục, ngoài linh mục làm việc trong xứ, còn có những linh mục vốn là người của giáo xứ Lộc Hòa nhưng đang làm việc tại các xứ khác cũng về tham dự thánh lễ cầu nguyện cho người thân của mình đang chôn cất tại nghĩa trang. Giáo dân không chỉ ở Lộc Hòa mà cả những người đi làm ăn, học tập ở xa đều cố gắng về để tham dự thánh lễ cầu nguyện cho ông bà tổ tiên tại nghĩa trang. Sự tập hợp của rất nhiều người tại nghĩa trang cho thấy sự long trọng cũng như tính quan trọng của ngày lễ này trong đời sống tinh thần của tín đồ.

Đốt nhang theo người Công giáo thì không có ý nghĩa gì đặc biệt nhưng có thể thấy nhà nào khi cầu nguyện đọc kinh hay có dịp lễ giỗ tổ tiên đều đốt nhang. Trước Vatican II, tín đồ không được vái nhang nhưng khi được phép thì việc vái nhang giống như là việc đương nhiên phải có trong các nghi lễ của tín đồ người Việt. Họ không chỉ vái nhang trước bàn thờ hay phần mộ tổ tiên theo truyền thống mà cả trong những nghi thức của Công giáo qua việc vái nhang trước Thiên Chúa, Đức Mẹ và các Thánh. Giáo dân đã dung hợp ý nghĩa của việc đốt nhang cũng như việc đốt trầm hương trong nghi thức Công giáo với nhau, khói hương bay lên như gửi lời cầu nguyện vào Thiên Chúa, vào tổ tiên của mình, đồng thời còn thể hiện sự kính cẩn thành kính trong lời cầu nguyện của tín đồ.

Những buổi tối của tháng 11, giáo dân tập trung ra viếng nghĩa trang. Trong dịp này những người thân nếu viếng mộ ông bà cha mẹ ở ngoài nghĩa trang từ ngày mừng 1 đến ngày mừng 8 thì Giáo hội sẽ ban đặc ân cho họ. Giáo dân sẽ được lãnh nhận ơn đại xá (với điều kiện những người đó phải xưng tội rước lễ có nghĩa là họ đã sạch tội và cầu nguyện theo ý Giáo hoàng). Những ơn này không dành cho người còn sống mà sẽ được chuyển cho người chết để giúp họ chuộc bớt tội lỗi của mình, giáo dân tin rằng trong những ngày lễ này thì lời cầu nguyện của họ nhất định sẽ được Chúa chấp nhận và sẽ tha thứ tội lỗi cho người thân đã qua đời.

Buổi tối nghĩa trang của giáo xứ rất đông giáo dân đến viếng. Hầu như gia đình Công giáo Lộc Hòa nào cũng cử người ra nghĩa trang để viếng, vừa thăm viếng phần mộ người thân đã qua đời vừa là để lãnh nhận ơn đại xá của Giáo hội để chuyển cho người thân của mình. Họ đọc các kinh cầu nguyện của đạo cho tổ tiên bao gồm kinh Lạy Cha, Kính Mừng và Sáng Danh. Nghĩa trang buổi tối khắp nơi là ánh đèn, nến, tiếng đọc kinh, tiếng nói chuyện làm cho nghĩa trang trở nên rất náo nhiệt. Bình thường các giáo dân ban ngày vẫn thường ra viếng mộ thân nhân nhất là những người vừa mới mất, còn buổi tối thì nghĩa trang rất vắng vẻ có phần lạnh lẽo âm u vì không có bật đèn nhưng trong tháng 11 thì nghĩa trang bật đèn suốt đêm, trở thành nơi tập trung rất đông người và có cảm giác ấm cúng vì những tình cảm của người còn sống dành cho người thân của mình. Đối với giáo dân, họ hiểu việc viếng nghĩa trang có ý nghĩa như là một dịp để người còn sống gặp lại người chết, con cháu thấy lại ông bà tổ tiên của mình, từ đó nhớ đến công ơn tổ tiên, noi gương theo các bậc tiền nhân để sống tốt đẹp hơn.

Theo thống kê của giáo xứ Lộc Hòa, vào những ngày lễ ngoài nghĩa trang này có khoảng 4.000 tín đồ tham dự thánh lễ, ngày lễ này trở thành một ngày lễ hết sức quan trọng với tín đồ. Vào dịp này các công ty, xí nghiệp tại Trảng Bom cho phép công nhân là người Công giáo buổi chiều được về sớm để tham dự thánh lễ, điều đó cho thấy vị trí và ý nghĩa của ngày lễ này trong đời sống tinh thần của tín đồ.

5. Kết luận

Qua một nghi lễ cầu nguyện linh hồn người chết cho thấy tính bản địa hóa của Công giáo tại Việt Nam, đồng thời cũng cho thấy phong tục thờ cúng tổ tiên có ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống tinh thần của tín đồ Công giáo người Việt. Khi tiếp nhận Công giáo, người Việt không những vẫn giữ được phong tục truyền thống của mình mà còn có sự chi phối, tác động trở lại đến quan niệm tín lý Công giáo thể hiện qua ngày lễ cầu cho các tín hữu đã qua đời, đã làm cho một nghi lễ Công giáo trở thành một nghi lễ mang những tâm thức văn hóa bản địa của người Việt. Đặc điểm này xảy ra vừa thể hiện vị trí của phong tục thờ cúng tổ tiên trong điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam cũng đồng thời là do có sự tương đồng giữa niềm tin Công giáo với phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt trong quan niệm về linh hồn bất tử, về thế giới bên kia và về mối quan hệ qua lại giữa người sống với người chết. Chính vì vậy, khi có sự tiếp xúc giữa

hai hệ giá trị văn hóa này đã nhanh chóng hòa trộn, tiếp nhận nhau, đặc biệt là Công giáo đã tiếp nhận một cách tự nhiên vào nghi lễ của mình những giá trị của phong tục thờ cúng tổ tiên. Điều này cũng chứng minh cho quan điểm của Đặc thù luận lịch sử về giá trị của những nền văn hóa cũng như tính phức tạp của sự thay đổi văn hóa trong quá trình tiếp xúc với nhau. Sự biến đổi này không nhất định đi theo một con đường nhất định, một quy luật chung cho cả thế giới. Ở đây cho thấy vai trò của chủ thể văn hóa là cộng đồng tín đồ Công giáo người Việt, họ đã không thụ động trong quá trình tiếp nhận văn hóa Công giáo mà đã tạo ra những đặc điểm văn hóa riêng biệt của mình, một hệ giá trị văn hóa vừa mang những đặc trưng cơ bản của Công giáo nhưng cũng không xa rời những nét văn hóa bản địa của mình, nhất là trong việc thờ cúng tổ tiên./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Khoa Nhân học (2013), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: 41, 42.
- 2 Theo nhà nghiên cứu Trần Trọng Kim, “Người Việt Nam hay tin ma tin quỷ, sùng sự lễ bái nhưng mà vẫn không nhiệt tín tôn giáo nào cả”, Xem: Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh: 15.
- 3 Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 67 - 68.
- 4 Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt (1615 - 1773)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 481.
- 5 Cách chú thích theo Kinh Thánh, Trích trong sách Đệ Nhị Luật chương 5 từ câu 6 đến câu 9, Xem: Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Kinh thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 313.
- 6 Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), sđd: 144, 314
- 7 Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), sđd: 1282.
- 8 Thư của Thánh Phaolô Tông đồ gửi tín hữu Ephexô chương 6 từ câu 1 đến câu 3, Xem: Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Kinh thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 2182.
- 9 Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), sđd: 952.
- 10 Trương Bá Cần (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 566.
- 11 Tòa Giám mục Xuân Lộc (2009), *Hồng ân huấn giáo sống đạo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 100.
- 12 Giáo hoàng học viện Pio X (1972), *Thánh công đồng chung Vaticano II, Hiến chế - Sắc lệnh - Tuyên ngôn*, Đà Lạt: 270.
- 13 Hoàng Phê (chủ biên, 2012), *Từ điển tiếng Việt, có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán - Việt*, Trung tâm Từ điển học, Nxb. Đà Nẵng: 168, 474.
- 14 Lý Hành Kiện (Chủ biên, 2004), *现代汉语规范词典 (Từ điển Quy phạm Hán ngữ hiện đại)*, Nxb. Ngữ Văn, Bắc Kinh (Trung Quốc): 281, 443.

- 15 Huỳnh Trụ (2012), *Tìm hiểu từ vựng Công giáo*: 412.
- 16 Huỳnh Trụ (2012), *Tìm hiểu từ vựng Công giáo*: 414.
- 17 Hoàng Phê (chủ biên, 2012), *Từ điển tiếng Việt, có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán - Việt*, Trung tâm Từ điển học, Nxb. Đà Nẵng: 208.
- 18 Huỳnh Trụ (2012), *Tìm hiểu từ vựng Công giáo*: 415.
- 19 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2010), *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 323.
- 20 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 162.
- 21 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2010), *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, sdd: 321.
- 22 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, sdd: 217.
- 23 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2010), *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, sdd: 323.
- 24 Phan Tấn Thành, Đinh Thị Sáng (2014), *Cánh chung học*, Tp. Hồ Chí Minh: 268.
- 25 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2010), *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 323.
- 26 Phan Tấn Thành, Đinh Thị Sáng (2014), *Cánh chung học*, Tp. Hồ Chí Minh: 361.
- 27 Phan Tấn Thành, Đinh Thị Sáng (2014), sdd: 274.
- 28 Phan Tấn Thành, Đinh Thị Sáng (2014), sdd: 360.
- 29 Huỳnh Trụ (2012), *Tìm hiểu từ vựng Công giáo*: 413.
- 30 Sách Ngôn sứ Isaiah, xem: Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Kinh thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 1468.
- 31 Hoàng Phê (chủ biên, 2012), *Từ điển tiếng Việt, có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán - Việt*, Trung tâm Từ điển học, Nxb. Đà Nẵng: 327.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bá Cần, (2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam, tập I*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Đỗ Quang Chính (2008), *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt (1615-1773)*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
3. Giáo hoàng học viện Pio X (1972), *Thánh công đồng chung Vaticano II, Hiến chế - Sắc lệnh - Tuyên ngôn*, Đà Lạt.
4. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2010), *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2011), *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Lý Hành Kiện (Chủ biên, 2004), *现代汉语规范词典 (Từ điển Quy phạm Hán ngữ hiện đại)*, Nxb. Ngữ Văn, Bắc Kinh (Trung Quốc).
7. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Hoàng Phê (chủ biên, 2012), *Từ điển tiếng Việt, có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán - Việt*, Trung tâm từ điển học, Nxb. Đà Nẵng.

9. Alexandre de Rhodes (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Phan Tấn Thành, Đinh Thị Sáng (2014), *Cánh chung học*, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Tòa Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh (1998), *Kinh thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Tòa Giám mục Xuân Lộc (2009), *Hồng ân huấn giáo sống đạo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
13. Huỳnh Trụ (2012), *Tìm hiểu từ vựng Công giáo*.
14. Tư liệu điền dã của tác giả tại giáo xứ Lộc Hòa từ (2012-2016).

Abstract

REQUIEM: AN INDIGENOUS CHARACTERISTIC OF THE CATHOLIC LITURGY IN VIETNAM

(A case study of Lộc Hòa parish, Tây Hòa commune, Trảng Bom district, Đồng Nai province)

This text uses the view of the historical Particularism to explain the indigenous characteristic of Vietnam Catholicism through the ancestral worship. The western Catholic culture has no custom of ancestral worship like the Vietnamese culture; however, it has the traditional liturgy as the Requiem Mass offered for the repose of the souls of the dead on the 2nd of November. In Vietnam, this rite is not only a celebration for the repose of the dead, but it is also absorbed the native mentality of the soul, the afterlife, and the relationship between the living people and the dead through the ancestral worship custom of the Vietnamese. This localization process has turned a Catholic liturgy into a rite characterized by the Vietnamese culture. It is one of the important rites of the Vietnamese Catholics; this is not only manifested through the amount of believers who have attended this Mass, but it is also realized through the awareness, thoughts of the believers towards the ancestral worship.

Keywords: Ancestral worship, historical particularism, localization.